TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2019/DS–ST
Ngày 25/11/2019
V/v tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (thiệt hại tài sản)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Toại.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quốc Thìn và ông Bùi Tấn Ba.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tứ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2016/TLST – DS ngày 07 tháng 12 năm 2016 về việc "*Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (thiệt hại tài sản)"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2019/QĐXXST – DS, ngày 07 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2019/QĐST – DS, ngày 22 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Văn T, sinh năm 1967; có mặt tại phiên tòa.

Trú tại: Thôn Ch, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Ông Bùi Việt Ph, sinh năm 1978;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Võ L, sinh năm 1952 cùng vợ là bà Lê Thị H, sinh năm 1954 (cha, mẹ ruột của anh Ph, anh Đức, anh C); Ông L có mặt tại phiên tòa.

2/ Anh Võ Đ, sinh năm 1988 cùng vợ là chị Bùi Thị H, sinh năm 1992;

3/ Anh Võ C, sinh năm 1985 cùng vợ là chị Đỗ Thị S, sinh năm 1989; đều có mặt tại phiên tòa.

4/ Chị Võ Thị S, sinh năm 1980 (vợ anh Ph);

Cùng cư trú tại: Thôn Ch, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Bùi Việt Ph, anh Võ Đ, chị Bùi Thị H cùng ủy quyền cho chị Võ Thị S tham gia tố tụng; Ông Võ L, chị Lê Thị H, anh Võ C cùng ủy quyền cho chị Đỗ Thị S tham gia tố tụng. Chị S, chị S có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Bùi Phú T thuộc Công ty Luật TNHH Phạm A, Chi nhánh Quảng Ngãi; có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: H302 Nguyễn Tr, Tổ X, phường Y, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/10/2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/12/2016, Biên bản hòa giải ngày 23/8/2019, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ông Trương Văn T trình bày:

Vào khoảng 03 giờ 00 phút ngày 20/5/2016, Ông Trương Văn T điều khiển tàu cá mang số hiệu QNg 900XYTS đánh bắt cá tại Vùng biển tỉnh Q thì phát hiện tàu đánh bắt cá mang số hiệu QNg 904XXTS của bị đơn anh Bùi Việt Ph ở cùng thôn do anh Ph điều khiển có công suất lớn đang tiến về hướng tàu của ông T nên ông giảm tốc độ và dừng lại để né tránh. Do phán đoán của hai bên không chính xác và môi trường di chuyển trên biển nên hai tàu cọ xát vào nhau nhưng không ảnh hưởng, thiệt hại gì đến tàu của hai bên. Ông T nghĩ chỉ là rủi ro đơn thuần của hai tàu đánh bắt cá trên biển nên cho tàu hoạt động bình thường. Không rõ nguyên nhân gì anh Bùi Việt Ph điều khiển tàu mang số hiệu QNg 904XXTS truy đuổi tàu của ông, ông T điều khiển tàu né tránh khoảng 30 phút nhưng vì tàu của ông có công suất nhỏ hơn nên không còn khả năng né tránh thì anh Ph điều khiển tàu tông thẳng vào tàu của ông với quyết tâm làm chìm tàu. Trong khi tàu của ông bị thiệt hại nặng nề thì anh Ph cùng những người trên tàu ném đá, vật nặng nguy hiểm qua tàu của ông nên ông cùng các thuyền viên trên tàu phải tìm nơi ẩn nấp để bảo toàn tính mạng.

Sau sự việc trên, tàu của ông T bị thiệt hại nặng nề không thể tiếp tục đánh bắt cá nên phải quay đầu vào bờ. Ông đã trình báo sự việc cho Trạm biên phòng S, Đồn Biên phòng Bình H và Công an huyện Bình Sơn tiến hành điều tra xác minh sự việc. Công an huyện Bình Sơn nhận định sự việc không đủ yếu tố cấu thành tội phạm và không khởi tố vụ án hình sự nên ông làm đơn khởi kiện ra Tòa án.

Tại đơn khởi kiện, ông T xác định thiệt hại và yêu cầu bồi thường tổng cộng 198.100.000đồng, trong đó gồm chi phí sửa chữa tàu là 98.100.000đồng và thiệt hại bị mất thu nhập với tư cách chủ tàu do không đi đánh bắt được là 100.000.000đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 23/8/2019, ông T thay đổi nội dung khởi kiện như sau: Yêu cầu anh Bùi Việt Ph bồi thường cho ông số tiền 140.724.000đồng, trong đó: 40.724.000đồng chi phí khắc phục, sửa chữa tàu cá bị hư hỏng do anh Ph gây ra theo kết quả định giá thiệt hại ngày 30/7/2019 của Hội đồng định giá và 100.000.000đồng thiệt hại thu nhập bị mất do tàu cá không thể ra khơi trong thời gian từ ngày 20/5/2016 đến ngày 20/6/2016. Tại phiên tòa, Ông Trương Văn T giữ nguyên yêu cầu bồi thường như biên bản hòa giải ngày 23/8/2019.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Ông Trương Văn T thống nhất nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông T, không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 17/7/2017, Biên bản lấy lời khai ngày 19/6/2017, Biên bản hòa giải ngày 23/8/2019, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn anh Bùi Việt Ph và chị Võ Thị S(người được ủy quyền) có trình bày và lập luận như sau:

Tàu đánh cá mang số hiệu QNg 904XXTS do anh Bùi Việt Ph đứng tên chủ sở hữu trong giấy đăng ký tàu cá nhưng thuộc quyền sở hữu chung của vợ chồng anh (anh Ph và chị Võ Thị S) cùng với vợ chồng ông Võ L, chị Lê Thị H; vợ chồng anh Võ C, chị Đỗ Thị S và vợ chồng anh Võ Đ, chị Bùi Thị H cùng ở thôn C, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; Quyền sở hữu theo phần bằng nhau (04 vợ chồng có quyền ngang nhau).

Vào khoảng 03 giờ 00 phút ngày 20/5/2016, anh Ph điều khiển tàu cá mang số hiệu QNg 904XXTS đang đánh bắt cá tại vùng biển B, tỉnh Q thì bị một tàu lạ tông vào góc phải tàu cá của anh làm bung nox chụp bô, tàu bị chao đảo mất một đoạn dây neo trị giá 5.000.000 đồng. Anh Ph điều khiển tàu cá mang số hiệu QNg 904XXTS đuổi theo thì mới biết là tàu cá của Ông Trương Văn T ở thôn C, xã B. Sau khi tông vào tàu cá của anh Ph, ông T không xin lỗi mà điều khiển tàu cá tiếp tục đi nên anh phải đuổi theo khoảng 30 phút thì đuổi kịp. Do tàu cá ông T chạy lạng lách qua lại nhằm chèn ép trước mũi tàu của anh Ph nên dẫn đến mũi tàu cá do anh điều khiển va chạm vào mạn bên trái tàu cá mang số hiệu QNg 900XYTS của ông T. Nguyên nhân va chạm là vì khi đuổi theo tàu cá của ông T chạy với tốc độ cao (khoảng 9 hải lý/h), có sóng biển, tàu cá không có thắng gấp nên dẫn đến va chạm. Vị trí 02 tàu tông nhau anh Ph tại vùng biển huyện B giáp ranh vùng biển huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

Tại thời điểm va chạm với tàu cá của ông T thì anh Ph là người điều khiển tàu cá QNg 904XXTS; trên tàu có 09 người gồm: anh Ph, ông Võ L, anh Võ C, anh Võ Đ, ông Bùi L, ông Bùi H, ông Đỗ B, ông Võ Đ, ông B, anh Ph, chị S công nhận tàu cá mang số hiệu QNg 900XYTS của Ông Trương Văn T bị thiệt hại đúng như bảng ảnh chụp trong hồ sơ vụ án. Anh Ph, chị S cũng có chụp ảnh vị trí bị thiệt hại của tàu cá ông T, anh Ph, chị S không thống nhất về chi phí sửa chữa tàu cá của ông T, vì chi phí sửa chữa quá cao và một số hạng mục sửa chữa không cần thiết như: Sơn lại toàn bộ tàu là không hợp lý mà sửa chữa vị trí nào thì sơn lại vị trí đó; tiền thay ốc, vít nhiều; làm vệ sinh sau khi sửa chữa xong là không hợp lý nên không đồng ý bồi thường số tiền như ông T yêu cầu, bởi vì: Chi phí khắc phục, sửa chữa tàu cá bị hư hỏng 40.724.000đồng và 100.000.000đồng thiệt hại thu nhập bị mất do tàu cá không thể ra khơi là quá cao không phù hợp với thực tế bị hư hỏng tàu và tàu cá của ông T sau khi bị tông có thể đi làm bình thường không phải nghỉ biển. Anh Ph, chị S ước tính giá trị hư hỏng phải sửa chữa chỉ khoản 4.550.000đồng và chỉ đồng ý hỗ trợ chi phí sửa chữa cho ông T số tiền 5.000.000đồng, anh Ph, chị S không yêu cầu định giá lại nhưng đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết công bằng, hợp lý cho vợ chồng anh Ph, chị S và các đồng sở hữu chung tàu cá.

Tại phiên tòa, chị Sương yêu cầu trường hợp Tòa án xác định chủ sở hữu tàu cá do anh Ph đứng tên phải bồi thường thiệt hại cho ông T thì các đồng sở hữu chung cùng có trách nhiệm ngang nhau liên đới bồi thường, vì tàu cá QNg 904XXTS thuộc quyền sở hữu chung.

Ngoài ra, anh Ph, chị S không yêu cầu, trình bày gì khác.

Theo bản tự khai ngày 17/7/2017, Biên bản hòa giải ngày 23/8/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: anh Võ Đ, chị Bùi Thị H (ủy quyền cho chị Võ Thị S), anh Võ C, ông Võ L, bà Lê Thị H (ủy quyền cho chị Đỗ Thị S), chị Võ Thị S và chị Đỗ Thị S có ý kiến đề nghị, lập luận như sau:

Anh Võ Đ, chị Bùi Thị H (ủy quyền cho chị Võ Thị S), anh Võ C, Anh Võ L, chị Lê Thị H (ủy quyền cho chị Đỗ Thị S), chị Võ Thị S và chị Đỗ Thị S thống nhất với ý kiến trình bày của anh Bùi Việt Ph.

Tàu cá QNg 904XXTS là tài sản chung của vợ chồng anh Bùi Việt Ph, chị Võ Thị S; vợ chồng ông Võ L, bà Lê Thị H; vợ chồng anh Võ Đ, chị Bùi Thị H; vợ chồng anh Võ C, chị Đỗ Thị S và vợ chồng anh Bùi Việt Ph, chị Võ Thị S nhưng do anh Bùi Việt Ph đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Những người nêu trên không đồng ý bồi thường cho ông T chi phí khắc phục, sửa chữa tàu cá bị hư hỏng 40.724.000đồng và thiệt hại thu nhập bị mất do tàu cá không thể ra khơi 100.000.000đồng, với lý do: chi phí sửa chữa 40.724.000đồng là quá cao không phù hợp với thực tế bị hư hỏng; chỉ đồng ý hỗ trợ sửa chữa cho ông T số tiền 5.000.000đồng, còn số tiền 100.000.000đồng, ông T yêu cầu do mất thu nhập không đúng thực tế và không hợp lý, tàu cá của ông T sau khi bị tông có thể đi làm bình thường.

Tại phiên tòa, ông L, anh C, chị S, chị S yêu cầu trường hợp Tòa án xác định chủ sở hữu tàu cá do anh Ph đứng tên phải bồi thường thiệt hại cho ông T thì các đồng sở hữu chung cùng có trách nhiệm ngang nhau liên đới bồi thường, vì tàu cá QNg 904XXTS thuộc quyền sở hữu chung.

Ngoài ra, vợ chồng ông L, vợ chồng anh C, vợ chồng anh Đ, chị S không khởi kiện độc lập yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi:

***Về tố tụng*:** Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

***Về nội dung vụ án*:** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn đề nghị như sau: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của Ông Trương Văn T, các đồng sở hữu chung đồng ý liên đới bồi thường nếu gây thiệt hại do tàu cá gây ra nên buộc anh Bùi Việt Ph cùng các đồng sở hữu chung bồi thường cho ông T chi phí sửa chữa tàu theo định giá là: 40.724.000đồng và tiền mất thu nhập ngày công không

lao động được của ông T số tiền 9.450.000đồng. Không chấp nhận yêu cầu của ông T về khoản tiền mất thu nhập của chủ tàu cá như ông T yêu cầu 90.550.000đồng (đã trừ tiền mất thu nhập ngày công không lao động được của ông T được đề nghị chấp nhận).

Về chi phí tố tụng: Đề nghị buộc anh Bùi Việt Ph cùng các đồng sở hữu chung phải chịu chi phí tố tụng.

Về án phí: Buộc anh Bùi Việt Ph cùng các đồng sở hữu chung phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và buộc Ông Trương Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền không được Tòa án chấp nhận.

Ý kiến đề nghị tranh luận của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Ông Trương Văn T:

Nguyên nhân tàu ông T bị thiệt hại là do lỗi hoàn toàn của anh Ph điều khiển tàu tốc độ cao hơn 9 hải lý/h và tông vào tàu ông T, anh Ph có lỗi nên phải bồi thường thiệt hại cho ông T, gồm: 40.724.000đồng chi phí sửa chữa tàu cá và 100.000.000đồng thiệt hại bị mất thu nhập do tàu cá không hành nghề được trong thời gian sửa chữa tàu; tổng cộng số tiền yêu cầu bồi thường 140.724.000đồng theo quy định tại Điều 588, 604, 605, 606 Bộ luật dân sự. Đối với các đồng sở hữu chung tàu cá của anh Ph đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật.

Ý kiến tranh luận của nguyên đơn: Thống nhất nội dung tranh luận của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông, không tranh luận gì thêm.

Ý kiến tranh luận của chị S, chị S, ông L, anh C: anh Ph phải chạy tốc độ cao để đuổi kịp tàu của ông T, vì ông T điều khiển tàu chạy tốc độ cao. Luật sư cho rằng lỗi hoàn toàn của anh Ph là không đúng vì ông T tông vào tàu của anh Ph trước nhưng không dừng lại nên mới xảy ra sự việc như vậy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Ông Trương Văn T khởi kiện tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản, loại việc được xác định: "*Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*" nên Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] *Về quyền khởi kiện và thời hiệu khởi kiện*: Ông Trương Văn T cho rằng quyền lợi ích hợp pháp của ông bị xâm phạm vào ngày 20/5/2016 và ông khởi kiện đến Tòa án vào ngày 27/10/2016, căn cứ theo Nghị quyết số: 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về thi hành Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 159 của Bộ luật tố tụng dân sự 2004 được sửa đổi, bổ sung năm 2011 và Điều 607 của Bộ luật dân sự 2005 thì vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[1.3] *Về pháp luật áp dụng*: Sự việc tai nạn trên biển xảy ra vào ngày 20/5/2016 giữa Tàu cá mang số hiệu QNg 900XYTS do Ông Trương Văn T điều

khiển và tàu cá mang số hiệu QNg 904XXTS do anh Bùi Việt Ph điều khiển khi đang hoạt động đánh bắt hải sản tại vùng biển vùng biển huyện Bình Sơn, căn cứ quy định tại điểm đ Điều 9 của Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính Phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá khi hoạt động thủy sản và khoản 4 Điều 3 của Luật giao thông đường thủy nội địa thì hai tàu cá này hoạt động giao thông đường thủy nội địa nên áp dụng Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004; Luật Thủy sản năm 2003; Bộ luật dân sự năm 2005 và Nghị quyết số: 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số điều của Bộ luật dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng để giải quyết vụ việc.

[2] *Về nội dung vụ án*:

[2.1] Tàu cá mang số hiệu QNg 900XYTS do Ông Trương Văn T, nơi cư trú: thôn C, xã B, huyện S đứng tên đăng ký chủ sở hữu theo giấy chứng nhận đăng ký tàu cá được đóng mới vào năm 2005, được cải hoán máy nhiều lần, cải hoán máy vào ngày 10/12/2012 với công suất 168CV, đăng ký thuyền trưởng là Ông Trương Văn T.

Tàu cá mang số hiệu QNg 904XXTS do anh Bùi Việt Ph, nơi cư trú: thôn Ch, xã B, huyện S đứng tên đăng ký chủ sở hữu theo giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, đóng mới vào năm 2015, công suất máy 275CV và đăng ký thuyền trưởng là anh Bùi Việt Ph.

Ngoài ra, không có tổ chức, cá nhân khác đăng ký đồng sở hữu 02 tàu cá trên (do Chi cục Thủy sản tỉnh Q cung cung cấp thông tin theo Công văn số: 361/CCTS ngày 16/6/2017).

Tàu cá của ông T và tàu cá của anh Ph có đăng ký chủ sở hữu tàu cá theo đúng quy định tại Điều 40 của Luật Thủy sản năm 2003.

[2.2] Trên cơ sở báo cáo số: 352/BC-ĐBH ngày 20/6/2016 của Đồn Biên phòng B; Báo cáo kết thúc điều tra số: 69/CSĐT ngày 11/10/2016 của Cơ quan điều tra – Công an huyện Bình Sơn; Lời khai của Ông Trương Văn T và anh Bùi Việt Ph là người điều khiển tàu cá cùng lời khai của các thuyền viên trên 02 tàu cá do Trạm kiểm soát Biên phòng S, Hải Đội Biên phòng X và Đồn Biên phòng B thuộc Bộ chỉ huy Biên phòng tỉnh Q lập Biên bản lấy lời khai của: anh Bùi Việt Ph (chủ tàu cá), ông Nguyễn B, ông Bùi Đ, ông Đỗ Minh T, anh Võ Đ, anh Võ C, ông Võ L, ông Bùi L (thuyền viên trên tàu cá của anh Ph); Ông Trương Văn T (Chủ tàu cá), ông Bùi S, anh Trương Quang V, ông Bùi Văn R (thuyền viên trên tàu cá của ông T) thì đã đủ cơ sở xác định được như sau: Vào khoảng 03 giờ 00 phút ngày 20/5/2016, Ông Trương Văn T điều khiển tàu cá mang số hiệu QNg 900XYTS và anh Bùi Việt Ph điều khiển tàu cá mang số hiệu QNg 904XXTS hành nghề đánh bắt cá tại tọa độ $15^0$25N-$109^0$06E thuộc vùng biển huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Trong khi đánh bắt cá thì hai tàu có va chạm vào nhau nhưng chưa gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản. anh Ph cho rằng, tàu cá của ông T tông vào tàu cá của anh nhưng không dừng lại xin lỗi mà tiếp tục điều khiển tàu chạy tiếp

nên anh Ph đã tăng tốc độ tàu cá do anh điều khiển chạy rượt đuổi theo tàu cá do ông T điều khiển để biết tàu nào tông vào tàu của anh.

Hội đồng xét xử nhận thấy, trước khi có sự va chạm ban đầu giữa tàu cá của ông T và tàu cá của anh Ph, thì giữa ông T và anh Ph không có mâu thuẫn gì. Khi điều khiển phương tiện trên biển, do đặc thù của biển là mặt nước không bằng phẳng, có sóng, nếu không đảm bảo an toàn thì việc va chạm giữa các phương tiện đang lưu thông là có thể xảy ra, nhất là khi thời tiết xấu hoặc do trời tối hạn chế tầm nhìn, quan sát. Trước khi có hành vi rượt đuổi, hai tàu cá xảy ra va chạm với nhau vào lúc trời tối và ngoài ý muốn của ông T và anh Ph khi điều khiển phương tiện.

Đối với ông T, khi xảy ra va chạm, không thực hiện đúng trách nhiệm của Thuyền trưởng là dừng hẳn tàu lại tại nơi xảy ra va chạm để thực hiện chức trách, nhiệm vụ cứu người, phương tiện bị nạn trong trường hợp nếu có thiệt hại về người và tài sản. Tại phiên tòa, ông T cho rằng vì không có thiệt hại trên tàu cá của ông nên ông không dừng tàu lại là chưa phù hợp với hoàn cảnh thực tế lúc va chạm vào trời tối, vì khi xảy ra va chạm, thuyền trưởng không chỉ kiểm tra thiệt hại trên tàu cá của mình điều khiển mà phải có trách nhiệm xem xét thiệt hại của tàu cá khác có va chạm để có sự hỗ trợ, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau; hành vi xử sự của ông T không đúng trách nhiệm của Thuyền trưởng theo quy định tại Điều 7 của Luật giao thông đường thủy nội địa.

Đối với anh Ph, mặc dù khi xảy ra va chạm ngoài ý muốn giữa hai tàu cá đang lưu thông trên biển và chưa có thiệt hại gì nghiêm trọng về người và tài sản, tàu cá vẫn hoạt động bình thường nhưng vì không kìm chế được anh đã có hành vi điều khiển tàu cá của mình rượt đuổi tàu cá của ông T là việc làm không cần thiết, nhất là đối với những người thường xuyên hành nghề đánh bắt cá trên biển thì cần có sự tương trợ, giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau khi xảy ra va chạm hoặc tai nạn trên biển. Ông T và anh Ph là người điều khiển tàu cá thường xuyên đánh bắt trên biển nhưng có hành vi xử sự không đúng quy tắc giao thông đường thủy nên dẫn đến việc anh Ph điều khiển tàu cá rượt đuổi theo tàu cá của ông T.

[2.3] *Xét về năng lực hành vi dân sự và lỗi của Thuyền trưởng Trương Văn T đối với thiệt hại tàu cá của ông*: ông T đủ năng lực hành vi dân sự, trước khi có sự việc rượt đuổi với nhau, thì giữa tàu cá của ông T và tàu cá của anh Ph có va chạm nhưng không phải do ông T và anh Ph cố ý điều khiển tàu để xảy ra va chạm, hành vi xử sự của ông T không đúng trách nhiệm của Thuyền trưởng khi xử lý sự việc va chạm trên biển nhưng hành vi này không phải là nguyên nhân chính gây thiệt hại cho tàu cá của ông T nên ông không phải chịu trách nhiệm một phần lỗi đối với hậu quả xảy ra cho tàu cá của ông.

[2.4] *Xét năng lực hành vi dân sự và lỗi của thuyền trưởng Bùi Việt Ph*: Theo lời khai của Ông Trương Văn T, anh Bùi Việt Ph cùng các thuyền viên trên 02 tàu cá do các cơ quan có thẩm quyền nêu trên tiến hành lấy lời khai, Hội đồng xét nhận thấy: Nguyên nhân tàu cá ông T bị đâm va làm thủng bên trái võ tàu là vì anh Ph điều khiển tàu cá mang số hiệu QNg 904XXTS có hành vi điều khiển tàu cá do anh điều khiển rượt đuổi tàu cá của ông T với tốc độ cao (hơn 9 hải lý/h) trong khoảng

thời gian rượt đuổi 30 phút. Vì tàu cá của anh Ph có công suất máy lớn hơn nên đuổi kịp tàu cá của ông T. anh Ph và chị S cho rằng, nguyên nhân va chạm là do trong lúc rượt đuổi, tàu của ông T giảm tốc độ, lạng lách trước mũi tàu cá của anh và do tàu cá không có thắng gấp nên mũi tàu của anh Ph đâm va vào mạn bên trái võ tàu ông T dẫn đến bị rách, thủng vỏ tàu của ông T. Từ diễn biến sự việc như trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định nguyên nhân tàu của ông T bị rách, thủng võ tàu bên trái là do anh Ph điều khiển tàu cá mang số hiệu QNg 904XXTS có hành vi nguy hiểm rượt đuổi tàu cá mang số hiệu QNg 900XYTS của ông T và không làm chủ tốc độ khi rượt đuổi nên đâm va vào mạn bên trái võ tàu của ông T dẫn đến hư hỏng tài sản.

Theo quy định tại điểm đ Điều 9 của Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính Phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá khi hoạt động thủy sản thì: "*Tàu cá khi hoạt động phải nghiêm chỉnh thực hiện các quy tắc an toàn giao thông đường thủy nội địa và an toàn hàng hải*". Theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 36 của Luật giao thông đường thủy nội địa ". *1. Thuyền trưởng, người lái phương tiện khi điều khiển phương tiện hoạt động trên đường thuỷ nội địa phải tuân theo quy tắc giao thông…"; Khoản 3. Thuyền trưởng, người lái phương tiện khi hành trình phải điều khiển phương tiện với tốc độ an toàn để có thể xử lý các tình huống tránh va, không gây mất an toàn đối với phương tiện khác …".*

Tuy nhiên, anh Ph không tuân thủ quy tắc giao thông đường thủy nội địa theo quy định trên, anh Ph là người đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi dân sự, biết được tàu cá không có hệ thống an toàn để thắng gấp nhưng vẫn cố ý điều khiển tàu chạy tốc độ cao rượt đuổi tàu cá của ông T. Anh đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho người và tài sản trên tàu cá của ông T cũng như tàu cá của anh. Mặc dù, không mong muốn cho hậu quả xảy ra nhưng anh thấy trước được hậu quả có thể xảy ra và để mặc cho hậu quả xảy ra. Hành vi xử sự của anh Ph như trên mang tính không cần thiết, anh có thể lựa chọn cách xử sự khác phù hợp hơn để đảm bảo an toàn cho người và phương tiện khác như: thông báo cho Cơ quan có chức năng về sự việc va chạm hoặc tai nạn trên biển.

Từ phân tích lỗi của anh Ph như trên, xác định anh Ph đã thực hiện hành vi với lỗi cố ý gián tiếp gây ra hậu quả thiệt hại tài sản cho tàu cá của ông T là đúng thực tế.

Tàu cá do anh Ph điều khiển được gắn động cơ với mã lực cao (275CV), là phương tiện giao thông vận tải cơ giới đường thủy, căn cứ Điều 623 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Mục III của Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao về hướng dẫn một số quy định của Bộ luật dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, thì tàu cá của anh Ph là nguồn nguy hiểm cao độ, chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ phải tuân thủ các quy định về bảo quản, vận chuyển, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ; chủ sở hữu, người được giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại kể cả khi không có lỗi, trừ thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi có ý của người bị thiệt hại hoặc trong trường hợp bất khả kháng hoặc tình thế cấp thiết.

Xét về mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại và hành vi xâm phạm tài sản: Thiệt hại do hư hỏng bên trái võ tàu của tàu cá ông T dẫn đến phải sửa chữa phần thân võ tàu là do lỗi hoàn toàn của anh Ph nên anh phải có trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật.

Xét ý kiến của anh Bùi Việt Ph và lời tranh luận của chị S, chị Sáu, ông L, anh C cho rằng, việc anh Ph điều khiển tàu cá rượt đuổi tàu cá của ông T là do ông T tông vào tàu của anh trước nên anh Ph phải rượt đuổi để biết tàu nào tông, lý do tông vào tàu của ông T là vì ông T giảm tốc độ tàu lại nên thắng không kịp dẫn đến va chạm. anh Ph, chị S, chị Sáu, ông L, anh C cho rằng, anh Ph có hành vi rượt đuổi tàu cá của ông T với tốc độ cao là không có lỗi là không đúng, vì Thuyền trưởng khi lái tàu phải có trách nhiệm đảm bảo an toàn cho người và tài sản của người khác như nhận định trên.

[2.5] Anh Bùi Việt Ph là người đứng tên đăng ký chủ sở hữu tàu cá mang số hiệu QNg 904XXTS (nguồn nguy hiểm cao độ) và là tài sản phải đăng ký chủ sở hữu theo quy định tại Điều 40 của Luật Thủy sản, đồng thời cũng là Thuyền trưởng điều khiển tàu cá mang số hiệu QNg 904XXTS tại thời điểm xảy ra tai nạn trên biển vào lúc 03 giờ 00 phút ngày 20/5/2016.

Tại phiên tòa, ông L, anh C, chị S, chị S đều xác định: Tàu cá mang số hiệu QNg 904XXTS là thuộc quyền sở hữu chung của vợ chồng anh Ph, chị S; vợ chồng ông L, bà H; vợ chồng anh C, chị S và vợ chồng anh Đ, chị H. Nếu Tòa án xác định thiệt hại tàu cá của ông T là do tàu cá mang số hiệu QNg 904XXTS gây ra thì các đồng sở hữu thống nhất chịu trách nhiệm ngang nhau liên đới bồi thường chung. anh Ph, chị S, ông L, bà H, anh C, chị S, anh Đ và chị H là người đủ năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại của cá nhân. Việc các đồng sở hữu chung thỏa thuận cùng nhau liên đới chịu trách nhiệm bồi thường, nếu có gây thiệt hại là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp đạo đức xã hội và pháp luật quy định. Căn cứ vào Điều 604, Điều 605, Điều 606, Điều 608 và Điều 623 của Bộ luật dân sự năm 2005 và điểm 2, Mục III của Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao về hướng dẫn một số quy định của Bộ luật dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, thì thiệt hại tàu cá của ông T bị rách, thủng võ tàu là do hành vi nguy hiểm và trái pháp luật của anh Ph nên anh cùng với các đồng sở hữu chung như trên phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cho thiệt hại của ông T.

[2.6] *Xét các khoản yêu cầu bồi thường của Ông Trương Văn T*: Tại phiên tòa, ông T thay đổi nội dung khởi kiện như sau: Ông yêu cầu anh Bùi Việt Ph bồi thường cho ông số tiền là **140.724.000đồng**, trong đó: 40.724.000đồng chi phí khắc phục, sửa chữa tàu cá bị hư hỏng do anh Ph gây ra theo kết quả định giá thiệt hại ngày 30/7/2019 của Hội đồng định giá và 100.000.000đồng thiệt hại thu nhập của chủ tàu cá bị mất do tàu cá không thể đi đánh bắt trong thời gian sửa chữa tàu, từ ngày 20/5/2016 đến ngày 20/6/2016.

Xét về thiệt hại thực tế: Theo kết quả điều tra ban đầu của Đồn Biên phòng S, Đồn Biên Phòng B và kết luận ban đầu của Công an huyện Bình Sơn, Hội đồng xét xử đủ cơ sở nhận định:

Về thiệt hại chi phí sửa chữa tàu cá: Tàu cá mang số hiệu QNg 90060.TS của Ông Trương Văn T bị thủng bên trái mạn võ tàu cần thiết phải sửa chữa để đảm bảo an toàn cho tàu khi lưu thông tàu trên biển, nên thiệt hại do chi phí sửa chữa là phù hợp với thiệt hại thực tế và có căn cứ. Thiệt hại về chi phí sửa chữa tàu cá đã được Hội đồng định giá vào ngày 30/7/2019 xác định chi phí sửa chữa là: 40.724.000đồng, ông T có tham gia định giá và thống nhất chi phí sửa chữa theo kết quả định giá, không yêu cầu định giá lại. Bị đơn và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan có tham gia định giá, không thống nhất kết quả định giá nhưng không có yêu cầu định giá lại, ông T yêu cầu bồi thường thiệt hại do sửa chữa tàu cá với số tiền 40.724.000đồng theo kết quả định giá là phù hợp và có căn cứ nên chấp nhận.

Về thiệt hại thu nhập bị mất do tàu cá không thể ra khơi trong thời gian từ ngày 20/5/2016 đến ngày 20/6/2016 với số tiền 100.000.000đồng: ông T lập luận và chứng minh cho thiệt hại thực tế được tính theo mức bình quân thu nhập mỗi chuyến đi biển là 200.000.000đồng, khi trừ đi phí tổn mỗi chuyến đi biển 32.000.000đồng, còn lại lợi nhuận 168.000.000đồng; theo thỏa thuận giữa chủ tàu cá và thuyền viên thì, chủ tàu được chia 55% lợi nhuận tương ứng số tiền 92.400.000đồng, 07 thuyền viên + thuyền trưởng được chia 45% lợi nhuận tương ứng số tiền 75.600.000đồng chia cho 08 người, mỗi người lao động được chia số tiền 9.450.000đồng, ông T cho rằng, ông cũng tính công lao động của mình bằng thuyền viên là 9.450.000đồng; tổng cộng thiệt hại do mất thu nhập của cá nhân ông và chủ tàu là: 101.850.000đồng nhưng ông tính tròn số tiền 100.000.000đồng, ông T cung cấp xác nhận của một số người là chủ tàu cá trên địa bàn xã B, huyện S cũng đánh bắt lưới rút như tàu của ông để chứng minh cho thiệt hại. Những người này có nội dung xác nhận đều giống nhau là thu nhập của chủ tàu cá bình quân mỗi chuyến đi biển lợi nhuận từ 200.000.000đồng đến 500.000.000đồng, ông T xác định mức thu nhập thấp nhất để yêu cầu bồi thường thiệt hại của chủ tàu cá do bị hư hỏng không đi đánh bắt cá được.

Qua xác minh một số thuyền viên đi trên tàu cá của ông T vào thời điểm xảy ra tai nạn năm 2016 cũng như những người dân đánh bắt hải sản bằng nghề lưới rút đêm (cùng nghề như tàu cá của ông T đánh bắt vào năm 2016) trên địa bàn xã B, huyện S, trong đó có người đi bạn (gọi là thuyền viên), có người chủ tàu cá thì những người này đều xác định: Nghề đánh bắt thủy sản nói chung và nghề lưới rút đêm nói riêng có thu nhập không ổn định, có chuyến biển đạt hiệu quả, có chuyến không đạt hiệu quả hoặc đạt ít hoặc có khi lỗ tổn (tức không đủ chi phí). Do đó, tài liệu, chứng cứ do ông T cung cấp là xác nhận của các chủ tàu khác là không khách quan, không có cơ sở thực tế và không đảm bảo cơ sở pháp lý để xác định khoản tiền thu nhập tối thiểu và tối đa của chủ tàu cá khi đánh bắt cá. Thu nhập thực tế của chủ tàu cá không ổn định trong các chuyến đi biển là phù hợp, vì thực tế nghề đánh bắt cá trên biển có thu nhập không thể xác định được mức thu nhập bình quân, việc đánh bắt cá hiệu quả hay không phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó có yếu tố về thời tiết, ngư trường, vùng biển đánh bắt, công cụ, phương tiện sử dụng đánh bắt và kể cả theo mùa, thời vụ.

Ngoài ra, theo xác minh UBND xã B tại Biên bản làm việc ngày 08/10/2019, thì: Thu nhập nghề đánh bắt cá trên biển có thu nhập không ổn định, ông T không kê khai, nộp thuế thu nhập cá nhân và thu nhập tàu cá. Tại Công văn số: 685/CCT-KKTT&TH ngày 29/6/2017 của Chi cục Thuế huyện B cung cấp thì, ông T không kê khai, nộp thuế tàu cá mang số hiệu QNg 900XYTS nên không đảm bảo cơ sở để xác định thiệt hại thực tế đối với chủ tàu cá do không hành nghề đánh bắt được trong thời gian sửa chữa tàu cá. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Trương Văn T về buộc anh Bùi Việt Ph bồi thường 92.400.000đồng bị thiệt hại mất thu nhập của tàu cá do không đi biển được trong thời gian sửa chữa từ ngày 20/5/2016 đến ngày 20/6/2016. Tuy nhiên, cần xem xét thiệt hại về ngày công không lao động được của cá nhân ông T. Ông T với tư cách cũng là một thuyền viên lao động trên biển, theo ông xác định cá nhân ông bị mất thu nhập 9.450.000đồng. Theo tài liệu do ông T cung cấp và ông Nguyễn Hữu Kh, chủ cơ sở đóng tàu xác định thì ngày sửa chữa xong và bàn giao tàu là vào ngày 17/6/2016. Xét thấy, do tàu cá bị hư hỏng phải sửa chữa nên từ ngày xảy ra thiệt hại đến ngày sửa chữa xong, bàn giao tàu thì ông T bị mất thu nhập 29 ngày công không lao động được của cá nhân ông là thiệt hại thực tế. Thu nhập của cá nhân ông T như ông xác định được tính bình quân mỗi ngày làm tròn số là: 325.000đồng/ngày (9.450.000đồng chia cho 29 ngày, tính từ khi bị thiệt hại ngày 20/5/2016 đến ngày 17/6/2016 – ngày bàn giao tàu cá). Theo xác minh tại UBND xã B, huyện S cung cấp thông tin về mức thu nhập của người lao động phổ thông bình quân mỗi ngày thu nhập 300.000đồng đối với nam giới và từ 200.000đồng đến 250.000đồng đối với nữ giới (chưa bao gồm tiền ăn xế, nữa buổi (nữa buổi sáng và chiều). Xác minh một số người lao động đánh bắt cá trên biển thì họ xác định lao động theo thời vụ, không có hợp đồng lao động, có thu nhập không ổn định và bình quân mỗi tháng từ 2.000.000đồng đến 10.000.000đồng.

Xét thấy, ông T cũng là một người lao động phổ thông nên vận dụng mức thu nhập bình quân của lao động phổ thông đối với người làm nghề đánh bắt cá trên biển, mỗi ngày công lao động 325.000đồng là phù hợp ngày công lao thực tế tại địa phương và công việc đánh bắt cá. Hội đồng xét xử xác định thu nhập bị mất ngày công không lao động được của ông T là 29 (hai chín) ngày nhân 325.000đồng/ngày, thành tiền 9.450.000đồng. Buộc anh Ph cùng các đồng sở hữu chung tàu cá mang số hiệu QNg 904XXTS phải bồi thường thiệt hại ngày công không lao động được cho ông T số tiền 9.450.000đồng.

Khấu trừ khoản tiền thu nhập bị mất được chấp nhận như trên, khoản tiền còn lại ông T không được chấp nhận là: 90.550.000đồng (100.000.000đồng trừ 9.450.000đồng).

[2.7] Trên cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn khởi kiện của Ông Trương Văn T, buộc anh Bùi Việt Ph cùng với các đồng sở hữu chung gồm: Chị Võ Thị S, ông Võ L, bà Lê Thị H, anh Võ Đ, chị Bùi Thị H, anh Võ C và chị Đỗ Thị S phải liên đới bồi thường cho ông T số tiền là: 40.724.000đồng + 9.450.000đồng = 50.174.000đồng, mỗi người bồi thường số tiền làm tròn số là: 6.271.000đồng.

[3] *Về chi phí tố tụng (chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá):* 5.000.000đồng. Ông Trương Văn T đã nộp tạm ứng đủ nên được khấu trừ. Buộc anh Bùi Việt Ph và các đồng sở hữu chung phải hoàn trả lại cho ông T số tiền chi phí tố tụng mà ông T đã nộp tạm ứng là: 5.000.000đồng, mỗi người phải hoàn trả cho ông T số tiền 625.000đồng.

[4] *Về án phí và xử lý tiền tạm ứng án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Bùi Việt Ph, chị Võ Thị S, ông Võ L, bà Lê Thị H, anh Võ Đ, chị Bùi Thị H, anh Võ C và chị Đỗ Thị S mỗi người phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền làm tròn là: 313.000đồng (*Ba trăm mười ba nghìn đồng*).

Ông Trương Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% đối với số tiền không được Tòa án chấp nhận 90.550.000đồng, tiền án phí phải chịu là: 4.527.500đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 4.952.500đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2014/0003444 ngày 07/12/2016, còn hoàn trả lại cho ông T số tiền 425.000đồng.

[4] *Về công khai bản án*: Các đương sự đồng ý việc công khai bản án, không có yêu cầu giữ bí mật đời tư, bí mật gia đình, bí mật kinh doanh nên không xét.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[6] *Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên:* Về đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

[7] *Xét ý kiến tranh luận và đề nghị của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông T:* Chấp nhận một phần ý kiến đề nghị tranh luận của Luật sư về yêu cầu bồi thường chi phí sửa chữa tàu cá cho ông T; không chấp nhận ý kiến tranh luận về yêu cầu bồi thường thiệt hại do mất thu nhập của tàu cá, vì trái với nhận định trên của Hội đồng xét xử nhưng xét khoản tiền thiệt hại bị mất ngày công không lao động được cho ông T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, khoản 1 Điều 235, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về thi hành Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 159 của Bộ luật tố tụng dân sự 2004 được sửa đổi, bổ sung năm 2011;

Điều 604, Điều 605, Điều 606, Điều 607, Điều 608 và Điều 623 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Mục III của Nghị quyết số: 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số điều của Bộ luật dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng;

Điều 40 của Luật Thủy sản năm 2003 và điểm đ Điều 9 của Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính Phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá khi hoạt động thủy sản;

Khoản 4 Điều 3, Điều 7, khoản 1 và khoản 3 Điều 36 của Luật giao thông đường thủy nội địa;

Điều 24, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện ngày 07/10/2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/12/2016 của Ông Trương Văn T.

Buộc anh Bùi Việt Ph, chị Võ Thị S, ông Võ L, bà Lê Thị H, anh Võ Đ, chị Bùi Thị H, anh Võ C và chị Đỗ Thị S phải liên đới bồi thường thiệt hại tài sản (tàu cá) do bị xâm phạm cho Ông Trương Văn T, với số tiền là: **50.174.000đồng** (*Năm mươi triệu, một trăm bảy mươi bốn nghìn*), mỗi người bồi thường số tiền là: **6.271.000đồng** (*Sáu triệu, hai trăm bảy mươi mốt nghìn đồng*).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Trương Văn T về yêu cầu anh Bùi Việt Ph bồi thường thiệt hại mất thu nhập của tàu cá trong thời gian sửa chữa không đi biển được, với số tiền: **90.550.000đồng** (*Chín mươi triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng*).

2. *Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự 2008, các Điều 7, 7a, 7b của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự 2008.

3. *Về chi phí tố tụng:* 5.000.000đồng, Ông Trương Văn T đã nộp tạm ứng đủ nên được khấu trừ.

Buộc anh Bùi Việt Ph, chị Võ Thị S, ông Võ L, bà Lê Thị H, anh Võ Đ, chị Bùi Thị H, anh Võ C và chị Đỗ Thị S phải liên đới hoàn trả lại cho ông T số tiền 5.000.000đồng, mỗi người phải hoàn trả số tiền 625.000đồng (*Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

4. *Về án phí và xử lý tiền tạm ứng án phí:*

Anh Bùi Việt Ph, chị Võ Thị S, ông Võ L, bà Lê Thị H, anh Võ Đ, chị Bùi Thị H, anh Võ C và chị Đỗ Thị S mỗi người phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, làm tròn số tiền là: 313.000đồng (*Ba trăm mười ba nghìn đồng*).

Ông Trương Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là: 4.527.500đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 4.952.500 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2014/0003444 ngày 07/12/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; còn hoàn trả lại cho ông T số tiền 425.000đồng (*Bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

5. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 25/11/2019).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Quang Toại